

Bản án số: 77 /2018/HS - PT
Ngày 30 - 5 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Lộc

Ông Nguyễn Văn Trung

Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:

Ông Hồ Văn Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 62/2018/TLPT-HS ngày 20 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo Trần Thị Phùng H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS-ST ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Thị Phùng H (Tên gọi khác: LA), sinh ngày 17 tháng 02 năm 1966 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: đường K, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân T và bà Nguyễn Thị Th; có chồng là Nguyễn Thanh N và có 2 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Nhỏ sống với bố mẹ, đi học đến lớp 12/12 thì nghỉ học, ở nhà, lập gia đình, làm thuê và sinh sống tại thành phố H cho đến nay. Bị cáo tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người bị hại: Chị Nguyễn Châu Hòa Nh, sinh năm 1998

Địa chỉ: đường N, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ở hiện nay đường K, phường L, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chị Lê Hoàng Nhật Q, sinh năm 1979;

Địa chỉ: đường P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 00 phút ngày 18/6/2017, Trần Thị Phùng H mượn xe mô tô của chị Nguyễn Châu Hòa N (là cháu gọi H bằng mợ ruột) để đi giải quyết việc cá nhân. Chị N đồng ý và giao chiếc xe mô tô Yamaha hiệu Grande, biển số 75F1-285.97 cho H mượn. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, do không có tiền để trả nợ nên H nảy sinh ý định đưa chiếc xe mô tô biển số: 75F1- 285.97 đi cầm lấy tiền. H đưa xe đến cửa hàng cầm đồ Q Tr (đường D, phường A, thành phố H), gặp chị Lê Hoàng Nhật Q (là chủ cửa hàng) liên hệ cầm xe. Chị Q hỏi xe có chính chủ không thì H nói đây là xe của đứa cháu ruột đang ở chung với gia đình H, chủ xe đã đồng ý cho H đi cầm để lấy tiền giải quyết việc kiện tụng đất đai. Đồng thời, H đưa cho chị Q xem Giấy đăng ký xe và Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Châu Hòa Nh cùng với bản photo Giấy chứng minh nhân dân của H. Chị Q tin tưởng, đồng ý giao dịch cầm xe. H muốn cầm với số tiền 25.000.000 đồng nhưng do xe đã cũ, nên chị Q chỉ đồng ý cầm với số tiền 20.000.000 đồng thì H đồng ý. Hai bên tiến hành lập hợp đồng cầm cố, rồi chị Q đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng, đồng thời giữ xe mô tô biển số 75F1-285.97 và các giấy tờ liên quan.

Đến ngày 27/8/2017, H gặp chị Q để thỏa thuận, lấy thêm tiền cầm xe là 2.000.000 đồng. Chị Q viết lại hợp đồng cầm xe thành 22.000.000 đồng. Số tiền có được, H dùng để trả nợ và trả lãi cầm xe cho chị Q hết. Đến ngày 06/9/2017, H gọi điện thoại cho chị Q đề nghị gia hạn hợp đồng thêm 15 ngày nữa, chị Q đồng ý. H đưa cho chị Q số tiền 500.000 đồng để gia hạn hợp đồng đến ngày 21/9/2017. Sau đó, H không tiếp tục đến gia hạn hợp đồng, quá hạn cầm cố nên chị Q đã bán thanh lý xe cho một người không rõ lai lịch. Cơ quan điều tra đã truy tìm, nhưng đến nay chưa thu giữ được chiếc xe mô tô biển số 75F1- 285.97.

Vật chứng đã thu giữ gồm:

- Hai (02) giấy hợp đồng cầm đồ của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ Q Trang (đường D, phường A, thành phố H) có nội dung nhận cầm cố chiếc xe mô tô 75F1 - 285.97.

- Một (01) giấy Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Châu Hòa Nh.

- Một (01) bản photo giấy Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Phùng H.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 353/KL - HĐĐG ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế (định giá qua hồ sơ) đã xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô Yamaha hiệu Grande, màu trắng, biển số 75F1 - 285.97 có giá trị là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả lại giấy Chứng minh nhân dân số 191901252 cho chị Nguyễn Châu Hòa Nh. Các vật chứng còn lại tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

Trần Thị Phùng H đã bồi thường số tiền 22.000.000 đồng cho chị Nguyễn Châu Hòa Nh. Sau khi nhận tiền bồi thường, chị Nh không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm bồi thường dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2018/HS - ST ngày 05 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Thị Phùng H 09 (chín) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, xử lý vật chứng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/3/2018, bị cáo Trần Thị Phùng H có đơn kháng cáo xin được hưởng mức án cải tạo không giam giữ. Ngày 22/5/2018 bị cáo Trần Thị Phùng H có đơn xin kháng cáo bổ sung xin được giảm mức án từ 09 tháng tù xuống mức xử phạt hành chính, án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Cùng ngày 22/5/2018, người bị hại là chị Nguyễn Châu Hòa Nh cũng có đơn xin cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phúc thẩm có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Trần Thị Phùng H 09 tháng tù về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và có căn cứ pháp luật; đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ và xử phạt tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, do đó không có căn cứ xem xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 điều 355, điều 356 không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, người bị hại là chị Nguyễn Châu Hòa Nh có ý kiến: Do hoàn cảnh gia đình của bị cáo quá khó khăn về kinh tế và do bị cáo hiểu biết pháp luật thấp kém nên đã nhất thời phạm tội, bị cáo H và chồng là người có công nuôi dưỡng và hiện tại đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bản thân bị hại. Hiện nay, bản thân chị đang sống chung trong gia đình của bị cáo, đồng thời xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có công nuôi dưỡng, chăm sóc cho bị hại sau khi mẹ bị hại qua đời không có người thân thích. Bị cáo đã bồi thường đầy đủ số tiền 22.000.000đ, hiện nay chị Nh không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nữa và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội nuôi con nhỏ và giúp đỡ gia đình.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Trần Thị Phùng H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà sơ thẩm và thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng do nhận thức pháp luật hạn chế nên mới nhất thời phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo thật sự khó khăn và hiện đang phải nuôi hai con nhỏ đang độ tuổi đi học, nghề nghiệp của chồng bị cáo thu nhập thấp; bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ để có cơ hội cải tạo và phụ giúp chồng nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đã có cơ sở kết luận: Ngày 18/6/2017, Trần Thị Phùng H sau khi mượn xe mô tô Yamaha hiệu Grande, biển kiểm soát 75F1 - 285.97 và các giấy tờ liên quan của chị Nguyễn Châu Hòa Nh (là cháu gọi H bằng mợ ruột) thì đã nảy sinh ý định đưa đi cầm cố để lấy tiền trả nợ. H đưa xe đến cửa hàng cầm đồ Q Trang (số đường D, phường A, thành phố H) gặp chị Lê Hoàng Nhật Q (là chủ cửa hàng) liên hệ cầm xe. Sau khi nghe H nói đây là xe của cháu ruột đang ở chung với gia đình đã đồng ý để H đi cầm lấy tiền giải quyết việc kiện tụng đất đai, đồng thời cung cấp Giấy đăng ký xe, Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Châu Hòa Nh (là chủ phương tiện) cùng với bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân của H. Chị Q tin tưởng, đồng ý giao dịch cầm xe. Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất cầm cố chiếc xe với số tiền 20.000.000 đồng và có lập hợp đồng cầm cố. Chị Q đã đưa cho H số tiền 20.000.000 đồng và H đã giao xe mô tô Yamaha hiệu Grande, biển kiểm soát 75F1 - 285.97 và các giấy tờ liên quan cho chị Q. Đến ngày 27/8/2017, H gặp chị Q để thỏa thuận, lấy thêm tiền cầm xe là 2.000.000 đồng. Chị Q viết lại hợp đồng cầm xe thành 22.000.000 đồng. Số tiền có được, H dùng để trả nợ và trả lãi cầm xe cho chị Q hết. Ngày 06/9/2017, H gọi điện thoại cho chị Q đề nghị gia hạn hợp đồng thêm 15 ngày nữa và đưa cho chị Q số tiền 500.000 đồng để gia hạn, chị Q đồng ý. Tuy nhiên, hết thời hạn gia hạn hợp đồng nhưng H vẫn không đến để gia hạn hoặc thanh toán tiền để lấy lại xe nên chị Q đã bán thanh lý xe cho một người không rõ lai lịch. Cơ quan điều tra đã truy tìm, nhưng đến nay chưa thu giữ được chiếc xe mô tô biển số 75F1 - 285.97. Qua định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản thành phố Huế (định giá qua hồ sơ) xác định: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, chiếc xe mô tô Yamaha hiệu Grande, màu trắng, biển số 75F1 - 285.97 có giá trị là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

[2] Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án và xử phạt bị cáo Trần Thị Phùng H 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin hưởng án treo, cải tạo không giam giữ của bị cáo Trần Thị Phùng H, thấy rằng: Hành vi xâm phạm sở hữu tài sản của người khác của bị cáo bị pháp luật nghiêm cấm nhưng lợi dụng lòng tin của người bị hại là người thân bị cáo đã bất chấp pháp luật đem xe đi cầm cố, hết thời gian gia hạn không lấy lại được dẫn đến không thu hồi được tài sản. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe phòng ngừa chung, giữ vững trật tự xã hội, nên không thể cho bị cáo hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ như nội dung kháng cáo.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, giữa bị cáo và người bị hại có mối quan hệ ruột thịt. Hiện nay bị cáo phải chăm sóc con nhỏ đang độ tuổi ăn học.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại tiếp tục trình bày giữa người bị hại và bị cáo có quan hệ ruột thịt, sau khi mẹ bị hại qua đời bản thân được vợ chồng bị cáo (là cậu mợ ruột) đã có công nuôi dưỡng, chăm sóc bị hại từ đó cho đến nay, hiện tại bị cáo có hai con đang còn nhỏ ở độ tuổi đi học. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội cải tạo và có điều kiện nuôi các con ăn học và có điều kiện cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Xét thấy đề nghị của người bị hại cũng như hoàn cảnh gia đình và nhân thân của bị cáo là thực tế, có căn cứ nên cần áp dụng chính sách nhân đạo của pháp luật để xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 điều 355, điểm c khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Trần Thị Phùng H không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Phùng H, sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo Trần Thị Phùng H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thị Phùng H không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT - Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh TT - Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT - Huế;
- Sở Tư pháp;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Văn Thanh

